



**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO CÁN
BỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ CẢ
QUẢNG TÂY, TRUNG QUỐC TỚI NĂM
1978 ẤN NAY**

QUANG THÀNH QUAT

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc. Trên lãnh thổ Trung Quốc có 56 dân tộc sinh sống. Theo cuộc điều tra dân số toàn quốc năm 2000, Trung Quốc có 1.137,38 triệu ng-ời Hán và 104,49 triệu ng-ời thuộc các dân tộc thiểu số (chiếm 8,41% dân số toàn quốc). Trong các nhóm dân tộc thiểu số thì ng-ời Choang có số dân đông nhất, có tới 16,17 triệu ng-ời, và ít nhất là ng-ời Luo - ba, chỉ có 2.965 ng-ời.

Ng-ời Choang tập trung c- trú tại Quảng Tây, một trong 5 khu tự trị dân tộc thiểu số của Trung Quốc. Trong chính sách dân tộc, Trung Quốc chủ tr- ong thực hiện chế độ tự trị dân tộc khu vực. Vì vậy, đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số là vấn đề then chốt để thực hiện chế độ tự trị dân tộc khu vực. Từ khi cải cách và mở cửa năm 1978 đến nay, chính sách dân tộc của Trung Quốc đ- ợc thực hiện hiệu quả hơn, công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số đã b- ớc vào thời kỳ phát triển toàn diện. Để góp phần tìm hiểu về việc đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số của Trung Quốc hiện nay, d- ới đây tôi xin trình bày về lý luận và thực tiễn đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số ở Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây từ năm 1978 đến nay.

1. Chính sách đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số của Trung Quốc

Chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản và Nhà n- ớc Trung Quốc là kết quả của sự kết hợp giữa lý luận cơ bản về vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin và tình hình thực tế của dân tộc Trung Quốc. Bình đẳng dân tộc và đoàn kết dân tộc là nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản và Nhà n- ớc Trung Quốc. Sau khi n- ớc Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa đ- ợc thành lập tháng 10 năm 1949, những nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc đã đ- ợc phản ánh trong các văn bản hiến pháp của n- ớc CHND Trung Hoa. Trong thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa, quan hệ dân tộc Trung Quốc là bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau.

Để thực hiện bình đẳng dân tộc và đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ của các dân tộc thiểu số, Trung Quốc thực hiện chế độ tự trị dân tộc khu vực ở những vùng tập trung đông ng-ời dân tộc thiểu số. Tất cả các khu tự trị dân tộc là bộ phận không thể chia cắt của n- ớc CHND Trung Hoa. Tại những địa ph- ong này, các cơ quan tự quản đ- ợc thành lập để thực hiện quyền tự trị. Luật tự trị khu vực dân tộc đ- ợc thông qua

năm 1984 và bổ sung vào năm 2001. Đây là luật cơ bản đảm bảo quyền bình đẳng của tất cả các dân tộc và điều tiết hoạt động của các khu tự trị dân tộc đ-ợc ấn định trong Hiến pháp. Hiện nay, Trung Quốc có 5 khu tự trị, 30 châu tự trị, 120 huyện tự trị.

Đảng Cộng sản và Nhà n-ớc Trung Quốc coi việc đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số là một nội dung quan trọng của chính sách dân tộc, là cơ sở để duy trì bình đẳng dân tộc, thực hiện chế độ tự trị khu vực dân tộc, đẩy mạnh sự phát triển của các dân tộc, đồng thời cũng là then chốt để giải quyết vấn đề dân tộc. Hơn ai hết, cán bộ dân tộc thiểu số là ng-ời am hiểu lịch sử, hiện trạng, ngôn ngữ, tâm lý, phong tục tập quán của dân tộc mình, gắn bó với sản xuất và sinh hoạt của dân tộc mình. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số là cầu nối giữa Đảng, Nhà n-ớc và đồng bào các dân tộc. Việc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số phải phát huy cao độ trí tuệ, sức lực của đồng bào và cán bộ dân tộc. Vai trò này không ai có thể thay thế đ-ợc đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Chính vì họ có vai trò quan trọng trong công tác dân tộc nên trong từng thời kỳ lịch sử, Đảng và Nhà n-ớc Trung Quốc luôn có các chính sách về đào tạo, bồi d-ỡng và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số. Năm 1950 Chính phủ CHND Trung Hoa đã thông qua ch-ơng trình mở rộng đào tạo cán bộ ng-ời dân tộc thiểu số. Để hỗ trợ cho việc thực hiện ch-ơng trình này, các tr-ờng đại học đã mở các khoá đào tạo chuyên gia ng-ời dân tộc thiểu số, đồng thời có tới 10 tr-ờng đại học dân

tộc đã đ-ợc mở tại Bắc Kinh và các vùng dân tộc thiểu số sinh sống. Sau hội nghị Công tác dân tộc toàn quốc năm 1992, tháng 12 năm 1993 ủy ban Dân tộc và Bộ Tổ chức Trung - ơng công bố ý kiến về làm tốt hơn công tác đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số. Văn kiện này có quy định cụ thể về đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

2. Tình hình và phân bố dân tộc của Quảng Tây, Trung Quốc

Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây đ-ợc thành lập ngày 5 tháng 3 năm 1958. Quảng Tây nằm ở miền tây nam Trung Quốc, trong hệ tọa độ từ 200,54' đến 260,23' Bắc, từ 1040,29' đến 1120,03' kinh độ Đông. Phía tây nam giáp Việt Nam với hơn 800 kilômét đ-ờng biên giới lục địa, phía nam giáp vịnh Bắc Bộ, phía đông giáp tỉnh Quảng Đông, phía đông bắc giáp tỉnh Hồ Nam, phía tây bắc giáp tỉnh Quý Châu, phía tây giáp tỉnh Vân Nam. Tổng diện tích của Quảng Tây là 236.661 kilômét vuông, chiếm 2,5% tổng diện tích của cả n-ớc, trải rộng 750 kilômét từ đông sang tây và dài 610 kilômét từ bắc xuống nam.

Quảng Tây có 12 dân tộc chủ yếu là Choang, Hán, Dao, Miêu, Đông, Mu-lạo, Mao-nan, Hồi, Kinh, Di, Thủy, C-a-lạo. Ngoài ra còn có thêm 25 dân tộc khác. Tổng dân số của Quảng Tây là 47.130.000 ng-ời, trong đó dân tộc thiểu số có 17.890.000 ng-ời, chiếm 38,43% dân số của toàn khu tự trị. Ng-ời Choang ở Quảng Tây có 15.380.000 ng-ời, chiếm 33,02% dân số của toàn khu tự trị, đồng thời chiếm 90% dân số ng-ời Choang của cả n-ớc. Quy mô dân số của

các dân tộc thiểu số Quảng Tây không đồng đều. Một số dân tộc thiểu số có số dân trên 1 triệu người như các dân tộc: Choang, Dao, người Mông cũng có những dân tộc thiểu số có số dân rất ít, chỉ có khoảng mấy chục nghìn người như các dân tộc: Di, Thủy, C- a-lạp, Kinh.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hiện nay trình độ phát triển kinh tế-xã hội giữa các dân tộc tại Quảng Tây không đồng đều. Người Choang tập trung chủ yếu tại các thành phố Nam Ninh, Bách Sắc, Hà Trì và Liễu Châu. Hiện nay Quảng Tây có 12 huyện tự trị của các dân tộc thiểu số. Người Hán định cư khắp Quảng Tây chủ yếu ở miền đông và miền đông nam Quảng Tây, còn các dân tộc thiểu số tập trung chủ yếu tại miền trung, miền tây, miền tây nam và miền tây bắc Quảng Tây. Các dân tộc thiểu số Quảng Tây cư trú xen kẽ với nhau và xen kẽ với dân tộc Hán. Phần lớn họ định cư trên núi cao, ở các vùng cao và vùng biên giới. Có một số dân tộc thiểu số sống tập trung trong phạm vi nhỏ, như các cấp huyện, xã và làng bản. Ví dụ người Miao-nan tự trị tại huyện tự trị dân tộc Miao-nan Hoàn Giang, người Miao-lạp tự trị tại huyện tự trị dân tộc Miao-lạp La Thành ở miền bắc Quảng Tây.

3. Các hình thức đào tạo

Hiện nay, nguồn của cán bộ dân tộc thiểu số chủ yếu có: học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp, bộ đội xuất ngũ, học sinh tốt nghiệp các trường trung học. Kết hợp tình hình thực tế của Quảng Tây, tháng 6 năm 1994 Đảng ủy và chính quyền

Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây đã công bố ý kiến về làm tốt công tác đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, đây là văn kiện cơ bản chỉ đạo công tác đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số của Quảng Tây trong thời kỳ mới. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương và Khu tự trị, hiện nay công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số chủ yếu có hai hình thức: thực tiễn và trường học.

3.1. Trường thành qua thực tiễn

Trường thành qua thực tiễn chủ yếu thể hiện trong việc đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số trong công tác thực tế, có chế độ đảm bảo và mở các lớp đào tạo. Công tác đào tạo thực tế chú trọng đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, trong đó có cán bộ nữ.

Trong Hiến pháp, Luật tự trị khu vực dân tộc và một số văn kiện của Đảng và nhà nước Trung Quốc có quy định liên quan đến việc đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số. Các quy định chủ yếu gồm nội dung như sau: chủ tịch của khu tự trị và châu tự trị, huyện trường của huyện tự trị, chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm Ủy ban thường vụ Hội đồng đại biểu nhân dân tại khu vực tự trị dân tộc phải là người dân tộc thực hiện tự trị. Trong Hội đồng đại biểu nhân dân của khu vực tự trị dân tộc, số đại biểu và tỷ lệ đại biểu của dân tộc thực hiện tự trị dân tộc và các dân tộc thiểu số khác do Ủy ban thường vụ tỉnh và khu tự trị chiểu theo nguyên tắc của pháp luật quyết định. Ưu tiên phát triển cán bộ dân tộc thực hiện tự trị và các dân tộc thiểu số khác trong các cơ quan của chính quyền địa phương thực hiện tự trị

dân tộc. Các cán bộ lãnh đạo dân tộc thiểu số trong cơ quan tự trị phải phù hợp tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ của Nhà nước. Đảm bảo địa vị của cán bộ dân tộc thiểu số trong cơ quan tự trị mới có thể đảm bảo được quyền làm chủ của dân tộc thiểu số, đảm bảo địa vị và quyền lợi bình đẳng của dân tộc thiểu số.

Theo yêu cầu cách mạng hóa, trẻ hóa, trí thức hóa, chuyên nghiệp hóa, Quảng Tây rất coi trọng việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số thông qua các hình thức nâng cao trình độ học vấn và lý luận của cán bộ dân tộc thiểu số. Hàng năm, Ủy ban Dân tộc Quảng Tây thường xuyên cử cán bộ dân tộc thiểu số cấp huyện làm công tác thực tế tại các cơ quan nhà nước Trung ương và các tỉnh khác. Chính quyền Quảng Tây thông qua thực tiễn đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số đã cử cán bộ thanh niên dân tộc thiểu số làm công tác lãnh đạo tại cấp huyện và cấp xã, cử cán bộ cấp huyện ở cơ sở làm công tác thực tế tại các cơ quan của chính quyền khu tự trị. Năm 2001, Quảng Tây cử 32 cán bộ đi làm công tác thực tế tại một số cơ quan nhà nước Trung ương và vùng kinh tế phát triển của các tỉnh khác.

Quảng Tây đã hình thành được mạng lưới đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số chủ yếu là các cấp trường Đảng. Ngoài ra còn có trường cán bộ và học viện dân tộc với các hình thức và nội dung đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số. Các tỉnh, thành phố và huyện đều có trường Đảng, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ quản lý với hình thức dài hạn và ngắn hạn. Ủy ban Dân tộc Quảng Tây mỗi năm

đều tổ chức các lớp đào tạo cán bộ cấp huyện, cấp xã, lớp cán bộ phụ nữ dân tộc thiểu số và các lớp đào tạo khác. Ví dụ tháng 11 năm 2001, Ủy ban Dân tộc Quảng Tây phối hợp với Hội Phụ nữ Quảng Tây tổ chức lớp đào tạo cán bộ lãnh đạo phụ nữ dân tộc thiểu số. Tháng 6 năm 2001, Ủy ban Dân tộc Quảng Tây tổ chức lớp đào tạo cán bộ lãnh đạo người dân tộc thiểu số cấp huyện khóa VIII tại trường Đảng Quảng Tây. Trong khóa học này, 40 người đã được đào tạo và đi thực tế 3 tháng tại các cơ quan của chính quyền ở Quảng Tây. Để nâng cao trình độ văn hóa, khoa học và lý luận cho cán bộ dân tộc thiểu số cấp huyện và cấp xã, năm 2002 Ban tổ chức Đảng ủy Quảng Tây tổ chức lớp cao đẳng chuyên ngành quản lý hành chính dân tộc thiểu số tại Khoa tại chức Học viện Dân tộc Quảng Tây, có 69 học sinh đều là cán bộ dân tộc thiểu số của các huyện tự trị dân tộc và huyện có điều kiện khó khăn tham gia. Từ năm 2000, mỗi năm chính quyền Quảng Tây đều cử một số cán bộ quản lý đi học cao học và nghiên cứu sinh ở các trường đại học tại các nước Anh, Mỹ và Nga, trong đó có cả cán bộ là dân tộc thiểu số.

3.2. Các trường học

Sự phát triển chậm trễ của giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số. Để khắc phục tình trạng này, Quảng Tây có các hình thức đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số tại các cấp trường học.

Đến năm 2001, Quảng Tây có 218 trường dân tộc các cấp, trong đó có 157 trường tiểu học, 36

tr-ờng trung học, 22 tr-ờng trung cấp chuyên nghiệp, 3 tr-ờng đại học, cao đẳng. Bắt đầu từ năm 1983, Quảng Tây mở lớp trung cấp dân tộc tại các tr-ờng trung cấp chuyên nghiệp, học sinh đ-ợc miễn học phí và h-ớng trợ cấp sinh hoạt của khu tự trị. Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số trong tổng số học sinh của các cấp tr-ờng học nh- sau: tiểu học 36,24%, trung học cơ sở 37,28%, trung học phổ thông 34,93%, trung cấp chuyên nghiệp 43,78%, đại học, cao đẳng 34,95%. Để phát triển giáo dục Quảng Tây, Nhà n-ớc có Ch-ơng trình Quảng Đông giúp đỡ các tr-ờng học vùng khó khăn Quảng Tây. Nội dung của ch-ơng trình này gồm: cử thầy cô dạy học tại các tr-ờng, giúp đỡ tr-ờng học và học sinh khó khăn về vật chất, giúp đỡ giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, cao đẳng. Ch-ơng trình này bắt đầu từ tháng 6 năm 2000, hiện nay đang tiếp tục thực hiện.

3.2.1. Tiểu học, trung học, lớp dân tộc nội trú

Tại các huyện tự trị và huyện đặc biệt khó khăn miền núi, chính phủ đã cho mở lớp nội trú ở các tr-ờng tiểu học và trung học cơ sở, đối tượng nhập học là con em dân tộc thiểu số vùng xa xôi và miền núi. Từ năm 1978 đến năm 2001, Quảng Tây đã có 24 huyện mở lớp dân tộc nội trú tiểu học, 17 huyện mở lớp dân tộc nội trú trung học cơ sở, 25 huyện và thành phố mở lớp dân tộc nội trú trung học phổ thông. Số l-ợng học sinh nh- sau: tiểu học - 6.800 em, trung học cơ sở - 2.600 em, trung học phổ thông - 5.800 em. Tỷ lệ học sinh thi vào các tr-ờng là: tiểu học - 98%, trung học cơ sở - 80%, trung học cơ sở -

70%. Học sinh của lớp nội trú đ-ợc h-ớng trợ cấp sinh hoạt và học tập của khu tự trị. Năm 2001 Ủy ban Dân tộc Quảng Tây công bố ý kiến về tăng c-ờng công tác quản lý lớp dân tộc nội trú, văn kiện này nhấn mạnh vấn đề phát triển lớp dân tộc nội trú, giải quyết vấn đề đi học cho con em các dân tộc thiểu số khó khăn, tăng c-ờng công tác chiêu sinh và quản lý của lớp dân tộc nội trú, thành lập tiểu ban giám sát công tác liên quan đến lớp dân tộc nội trú hai năm một lần. Từ năm 2002, tiêu chuẩn trợ cấp cho học sinh lớp dân tộc nội trú đã đ-ợc nâng cao, lớp dân tộc nội trú tiểu học là 500 Nhân dân tệ/ng-ời/năm, lớp dân tộc nội trú trung học là 600 Nhân dân tệ/ng-ời/năm. Tháng 7 năm 2003, Chính quyền Quảng Tây công bố Quy hoạch phát triển lớp dân tộc nội trú của Quảng Tây giai đoạn năm 2004-2006 có kế hoạch tăng thêm số học sinh lớp nội trú dân tộc thiểu số là 8.130 em mỗi năm, phấn đấu đến năm 2006 sẽ có khoảng 120 nghìn học sinh dân tộc thiểu số khó khăn của tiểu học và trung học đ-ợc h-ớng chính sách lớp nội trú dân tộc thiểu số. Hiện nay, trong 50 huyện có ng-ời dân tộc thiểu số thuộc diện khó khăn, 92,1% tr-ờng trung học cơ sở có lớp dân tộc nội trú, tỷ lệ học sinh của lớp dân tộc nội trú chiếm 86,5% tổng số học sinh; 30% tr-ờng tiểu học có lớp dân tộc nội trú, tỷ lệ học sinh chiếm 17,3% tổng số học sinh.

Ngoài ra, vì tỷ lệ nữ đi học rất thấp nên một số vùng dân tộc thiểu số còn mở những lớp dành riêng cho học sinh nữ là ng-ời dân tộc thiểu số. Từ năm 1988, Ủy ban Dân tộc Quảng Tây phối

hợp với bộ môn giáo dục và Hội Phụ nữ đã mở đ-ọc 120 lớp học sinh nữ dân tộc thiểu số tại hơn 10 huyện với hơn 5 nghìn học sinh. Lớp học loại này có các hệ tiểu học, trung học cơ sở và trung học chuyên nghiệp. Đây cũng là loại lớp nội trú, học sinh đ-ọc miễn học phí và h-ởng trợ cấp học tập, sinh hoạt. Ngoài các môn học văn hóa, lớp này còn có thêm các môn học liên quan đến văn hóa dân tộc, nh- thêu, nuôi trồng và ca múa dân gian, v. v...

3.3.2. Dự bị đại học

Dự bị đại học là một hình thức đặc thù của giáo dục đại học dân tộc và là một hình thức có hiệu quả để đào tạo cán bộ chuyên môn dân tộc thiểu số. Dự bị đại học có tác dụng tốt trong việc thực hiện quyền bình đẳng dân tộc và đoàn kết dân tộc trong giáo dục đại học. Dự bị đại học thông qua việc hạ điểm chuẩn chiêu sinh đã tạo điều kiện cho con em các dân tộc thiểu số của vùng xa xôi và khó khăn có cơ hội vào đại học. Học sinh dự bị đại học đ-ọc miễn học phí toàn bộ. Học phí và chi phí cho dự bị đại học do tài chính của Khu tự trị trợ cấp. Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên phải về địa ph-ong mình phục vụ và công tác. Theo quy định của khu tự trị, chính sách chiêu sinh của dự bị đại học có 3 tiêu

chuẩn 100%: 100% là ng-ời dân tộc thiểu số, 100% là học sinh của 49 huyện đặc biệt khó khăn và xa xôi của Quảng Tây, 100% là ng-ời có hộ khẩu nông thôn. Sau khi kết thúc một năm học dự bị đại học, các sinh viên sẽ vào thẳng các tr-ờng đại học và cao đẳng học tiếp. Khoa đại học dự bị của Học viện Dân tộc Quảng Tây đ-ọc thành lập năm 1953. Từ năm 1980, các tr-ờng đại học, cao đẳng của Quảng Tây cũng bắt đầu mở lớp đại học dự bị. Từ năm 1992, học sinh đại học dự bị của 11 tr-ờng đại học, cao đẳng ở Quảng Tây đ-ọc tập trung đào tạo tại Khoa đại học dự bị của Học viện Dân tộc Quảng Tây. Tập trung học tập và 3 tiêu chuẩn 100% trong chính sách chiêu sinh là đặc sắc của giáo dục dự bị đại học của Quảng Tây. Từ năm 2001, Quảng Tây có 14 tr-ờng đại học và cao đẳng tuyển sinh đại học dự bị với số l-ợng mỗi năm 850 học sinh.

Ngày 8 tháng 6 năm 2004, Cơ sở giáo dục dự bị đại học dân tộc thiểu số của Quảng Tây đ-ọc thành lập tại Khoa dự bị đại học Học viện Dân tộc Quảng Tây. Trong hơn 50 năm qua, Quảng Tây đã đào tạo đ-ọc 8.892 học sinh dự bị đại học. D-ới đây là biểu ghi số l-ợng chiêu sinh dự bị đại học của Quảng Tây từ năm 1992 đến năm 2000:

Năm	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Số l-ợng (ng-ời)	375	638	656	660	653	653	652	547	623

3.3.3. Các tr-ờng đại học, cao đẳng

Các tr-ờng đại học, cao đẳng là tr-ờng học đào tạo cán bộ cấp cao của các dân tộc thiểu số.

Hiện nay, Quảng Tây có 3 tr-ờng đại học, cao đẳng dân tộc, đó là Học viện Dân tộc Quảng Tây, Học viện Y dân tộc Hữu Giang và Tr-ờng cao

đảng s- phạm Hữu Giang. Học viện Dân tộc Quảng Tây đ- ọc thành lập tháng 3 năm 1953, là một tr- ờng đại học tổng hợp đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn của các dân tộc. Học viện Y dân tộc Hữu Giang và Tr- ờng cao đẳng S- phạm Hữu Giang đ- ọc thành lập năm 1979. Trong Báo cáo ph- ơng h- ớng nhiệm vụ và tổng kết cơ bản của công tác học viên dân tộc do Quốc vụ viện thông qua vào tháng 11 năm 1979 có nêu rõ: Học viện Dân tộc là tr- ờng đại học mới để đào tạo cán bộ chính trị và chuyên môn của dân tộc thiểu số, phải phục vụ việc xây dựng xã hội chủ nghĩa tại vùng dân tộc thiểu số. Chính quyền khu tự trị có chính sách - u đãi để các tr- ờng hiện đại hóa thiết bị dạy học, đào tạo cán bộ giảng dạy và quản lý, nâng cao chất l- ợng dạy học, điều chỉnh kết cấu chuyên ngành để phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số. Hơn 80 % sinh viên của các tr- ờng

đại học, cao đẳng dân tộc là ng- ời dân tộc thiểu số. Ngoài ra, 53 tr- ờng đại học, cao đẳng khác của Quảng Tây cũng có tỷ lệ t- ơng ứng tuyển chọn sinh viên dân tộc thiểu số. Từ năm 1999 chính quyền Quảng Tây đã thành lập “Học bổng Xuân Vũ” với 1 triệu Nhân dân tệ trong 5 năm để khen th- ờng khuyến khích những sinh viên xuất sắc nh- ư có hoàn cảnh khó khăn. Cho đến năm 2002 đã có 10.800 sinh viên đ- ọc nhận học bổng, trong đó 57,2% là sinh viên dân tộc thiểu số. Từ năm 2003, mỗi năm Quảng Tây dành một triệu Nhân dân tệ làm “Kinh phí chuyên môn nhập học cho học sinh - u tú dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn” cấp cho các học sinh nộp học phí năm thứ nhất khi thi vào đại học hay trung học phổ thông trọng điểm, đảm bảo cho họ có điều kiện tiếp tục học tập. D- ối đây là các số liệu cụ thể về tỷ lệ sinh viên dân tộc thiểu số trong các tr- ờng đại học, cao đẳng của Quảng Tây:

1. Tỷ lệ sinh viên dân tộc thiểu số trong các tr- ờng đại học, cao đẳng Quảng Tây 3 năm gần đây:

Sinh viên	1999	2000	2001
Số sinh viên trong các tr- ờng đại học, cao đẳng Quảng Tây	90.300	118.000	151.600
Số sinh viên dân tộc thiểu số	30.500	42.700	49.100
Tỷ lệ của sinh viên dân tộc thiểu số	33,77%	36,1%	32,39%

2. Tỷ lệ sinh viên dân tộc thiểu số trong 3 tr- ờng đại học và cao đẳng Quảng Tây 3 năm gần đây:

Cơ sở đào tạo	1999	2000	2001
Học viện Dân tộc Quảng Tây	59,09%	54,42%	52,5%
Học viện Y dân tộc Hữu Giang	80,44%	77,72%	70,69%
Tr- ờng cao đẳng S- phạm Hữu Giang	79,14%	76,36%	71,33%

Nh- vậy, từ năm 1999 đến năm 2001, tỷ lệ sinh viên dân tộc thiểu số trong tất cả các tr- òng đại học, cao đẳng Quảng Tây bao gồm cả các tr- òng đại học và cao đẳng dân tộc thiểu số đều có xu h- ớng hạ xuống.

Từ năm 1980 đến nay, khi thi vào các tr- òng trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp hoặc đại học, thí sinh là dân tộc thiểu số đều đ- ợc cộng điểm. Đối với thí sinh thuộc 10 dân tộc thiểu số hoặc 15 huyện đặc biệt khó khăn thì đ- ợc cộng 20 điểm, thí sinh của 36 huyện khác đ- ợc cộng 10 điểm, thí sinh thuộc năm thành phố: Nam Ninh, Liễu Châu, Quế Lâm, Ngô Châu, Bắc Hải đ- ợc cộng điểm ít hơn. Đối với một số ngành cần thiết ở vùng dân tộc thiểu số và khó khăn nh- nông nghiệp, lâm nghiệp, y học, s- phạm, Nhà n- ớc có chính sách chiêu sinh - u đãi đối với học sinh của vùng dân tộc thiểu số, sau khi tốt nghiệp học sinh buộc phải về địa ph- ơng mình công tác.

4. Kết quả đào tạo và những vấn đề tồn tại

Thực tế chứng tỏ, đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng trong việc tăng c- òng lãnh đạo của Đảng, làm tốt công tác dân tộc, tăng c- òng đoàn kết dân tộc và thống nhất nhà n- ớc, phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc thiểu số.

4.1. Kết quả đào tạo

Từ năm 1978 đến nay, công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số của Quảng Tây đã đạt đ- ợc những kết quả đáng kể. Đến năm 1994, cán bộ dân tộc thiểu số chiếm 34,27% tổng số cán bộ toàn khu tự trị, trong khi năm 1984 tỷ lệ này là

30,8%. Ví dụ: năm 1994 huyện Vũ Minh có 8.906 cán bộ, trong đó cán bộ dân tộc thiểu số có 8.018 ng- ời, chiếm 90,02%; cán bộ dân tộc thiểu số cấp huyện chiếm 78,37%, cấp xã chiếm 90,41%, trong khi dân tộc thiểu số chiếm 85,71% tổng dân số toàn huyện. Đến năm 2003, Quảng Tây có 398.000 ng- ời là cán bộ dân tộc thiểu số, chiếm 36,9% tổng số cán bộ của Quảng Tây, đã tăng 1,2% so với năm 1999. Đến năm 2003 Quảng Tây có 280.000 ng- ời là cán bộ chuyên môn dân tộc thiểu số, chiếm 72% cán bộ dân tộc thiểu số toàn Khu tự trị, chiếm 33% cán bộ chuyên môn toàn Khu tự trị.

4.2. Những vấn đề tồn tại

Nh- trên đã trình bày, từ năm 1978 đến nay công tác đào tạo, bồi d- ỡng và sử dụng cán bộ ng- ời dân tộc thiểu số của Quảng Tây đã đạt đ- ợc những thành quả đáng kể, tuy nhiên vẫn tồn tại một số vấn đề cần đ- ợc l- u ý nh- sau:

4.2.1 Tại một số khu vực, số l- ợng cán bộ dân tộc thiểu số vẫn ch- a đủ

Trong phạm vi Quảng Tây, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số không thấp nh- ng chênh lệch giữa các địa ph- ơng lại rất lớn. Tại một số huyện và xã số l- ợng và tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số ch- a đủ. Với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc thiểu số, công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số là rất cần thiết. Tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số ch- a t- ơng ứng với tỷ lệ dân số của dân tộc thiểu số. Năm 1994, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số của toàn Khu tự trị là 34,27%, thấp hơn tỷ lệ dân số của dân tộc thiểu số (39,1%).

4.2.2 Chất lượng tổng thể của cán bộ dân tộc thiểu số còn yếu

Do nguyên nhân lịch sử xã hội và hoàn cảnh địa lý tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc thiểu số không cao, vì thế trình độ của người dân còn chuyển biến chậm, ý thức đổi mới chưa cao. Nhìn chung giáo dục tại vùng dân tộc thiểu số phát triển, trình độ văn hóa của người dân địa phương còn thấp, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số có trình độ học vấn trên cao đẳng và đại học thấp hơn tỷ lệ trung bình cả nước. Năm 1993, trong cán bộ dân tộc thiểu số của toàn Khu tự trị có 23,96% tốt nghiệp trường cao đẳng trở lên, 42,27% tốt nghiệp trường trung cấp chuyên nghiệp, 17,58% tốt nghiệp trung học phổ thông và 16,88% tốt nghiệp trung học cơ sở trở xuống.

4.2.3 Kết cấu chuyên ngành của cán bộ dân tộc thiểu số không hợp lý

Tỷ lệ cán bộ chuyên môn trung cao cấp của dân tộc thiểu số thấp hơn tỷ lệ trung bình của cả nước. Trong cán bộ dân tộc thiểu số, các chuyên ngành nông lâm nghiệp và văn khoa khá nhiều nhưng cán bộ về các chuyên ngành về kinh tế tổng thể, tiền tệ và quản lý còn yếu, tình trạng này không phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc thiểu số. Năm 1994, Quảng Tây có 226.369 người dân tộc thiểu số là cán bộ chuyên môn, trong đó cán bộ chuyên ngành công trình có 24.648 người, chiếm 10,88%; cán bộ kinh tế có 16.174 người, chiếm 7,14%; cán bộ giảng dạy có 126.898 người, chiếm 56,05%.

Qua xem xét cho thấy có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đã dẫn đến tình trạng

nêu trên. Trong đó các nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp nhất là: sự nghiệp giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số còn yếu, không đáp ứng được yêu cầu điều chỉnh kết cấu và nâng cao trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, việc liên kết giữa giáo dục và phát triển kinh tế chưa chặt chẽ; một số địa phương không nhận thức được tính cần thiết của công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, không coi trọng việc nâng cao chất lượng đào tạo; kinh tế vùng dân tộc thiểu số còn chậm phát triển, nguồn kinh phí đào tạo không đủ, ảnh hưởng đến công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số; chưa có sự gắn bó giữa việc đào tạo với sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số.

Tài liệu tham khảo (tiếng Trung Quốc)

1. Vương Thiết Chí (chủ biên), *Lý luận và thực tiễn của chính sách dân tộc trong thời kỳ mới*, Nxb. Dân tộc, 2000.
2. *Đại toàn dân tộc Quảng Tây*, Nxb. Nhân dân Quảng Tây, 1991.
3. Kim Bính Hạo (Chủ biên), *Đại cương chính sách và cương lĩnh dân tộc của Đảng cộng sản Trung Quốc*, Nxb. Giáo dục Hắc Long Giang, 2002.
4. Hoàng Hải Khôn (Chủ biên), *Công tác dân tộc Quảng Tây đương thời*, Nxb. Nhân dân Quảng Tây, 2000.
5. Chu Kiến Tân (Chủ biên), *Dân tộc học và Nhân loại học (Năm 2002)*, Nxb. Dân tộc Quảng Tây, 2003.
6. Ủy ban Dân tộc Trung Quốc, *Năm mươi năm (1949 - 1999) công tác dân tộc Trung Quốc*, Nxb. Dân tộc, 1999.
7. Ủy ban Dân tộc Trung Quốc, *Tuyển chọn chính sách và pháp luật về dân tộc của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, Nxb. Hàng không dân dụng, 1997.

